

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HS-ST

Ngày: 01-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Chung Thị Ngọc.

Ông Trương Thế Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Ni – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2019/TLST-HS, ngày 31 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HS, ngày 15 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Lâm Văn T. Sinh năm: 1990 tại Kiên Giang. Nơi ĐKKH thường trú: Khu phố X, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: Tổ Y, khu phố T, phường M, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn I và bà Lê Thị H; có vợ tên Lê Thị H2 và 01 con sinh năm 2014; tiền án: không; tiền sự: có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản bị Công an xã M xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

số 16 ngày 31/5/2018; bị tạm giữ từ ngày 07/9/2018 đến ngày 17/9/2018; ngày được cho tại ngoại: 17/9/2018, bị bắt, tạm giam ngày 26/10/2018. (có mặt).

- Bị hại:

1. Bà Trần Kim T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang. (có đơn xin vắng mặt)

2. Ông Lâm Chê L, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khu phố X, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

3. Ông Võ Nguyên N, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 197/17 PT, khu phố X, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thị Tú Q, sinh năm 1992. Địa chỉ: Khu phố X, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

5. Ông Giang Phước T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Khu phố X, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

6. Bà Thái Phụng Hoàng O, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ Y, khu phố X, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

7. Ông Nguyễn Đăng Q, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ Y, khu phố X, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

8. Bà Trần Thị T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khu phố T, phường M, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

9. Ông Lâm Ngọc T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 45 đường L, khu phố X, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- Người làm chứng:

1. Ông Lâm Văn V (có mặt).

2. Ông Chiêu Cốc H (vắng mặt).

3. Ông Trần Văn D (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Minh H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo nội dung bản Cáo trạng số: 03/CT-VKSHT ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang đã truy tố Lâm Văn T về hành vi trộm cắp tài sản như sau:

Theo lời khai nhận của Lâm Văn T, vào khoảng 03 giờ sáng, ngày 07/9/2018, Trường đi ngang nhà trọ Tuấn Phương thuộc Khu phố X, phường P, thị xã H (nay là thành phố H) thấy xe máy biển kiểm soát 68P1-028.51 của bà Trần Kim T đang đậu trước dãy nhà trọ không có người trông giữ. T lén lút lấy trộm rồi dẫn bộ ra đến cổng Khu đô thị mới C&T nhờ một người thanh niên tên “Sơn” đẩy về nhà tại tổ Y, ấp T, xã M, thị xã H (nay là khu phố T, phường M, thành phố H). Khoảng 08 giờ sáng cùng ngày T điều khiển xe đến tiệm sửa ổ khóa của ông Nguyễn Minh H tại Khu phố X, phường Đ, thị xã H (nay là thành phố H) thuê ông H thay ổ khóa, rồi sơn lại xe thành màu trắng. Đến 13 giờ cùng ngày, T điều khiển xe máy nói trên chạy về hướng cửa khẩu Quốc tế H, định đưa sang Campuchia tiêu thụ thì bị phát hiện bắt giữ.

Tại Biên bản về việc định giá tài sản và Bản kết luận định giá tài sản số 12/BB-HĐ ngày 10/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã H (nay là thành phố H), kết luận: Xe máy nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu sơn đỏ đen, số khung 56C-09Y279405, số máy: 5C63-279452, biển kiểm soát 68P-028.51 (đã qua sử dụng), tại thời điểm ngày 07/9/2018 có giá trị 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Trong quá trình điều tra, Lâm Văn T còn khai nhận ngoài lần bị bắt khẩn cấp, trong thời gian từ tháng 7/2018 đến ngày 26/10/2018, T còn 10 lần thực hiện hành vi trộm cắp trên địa bàn thị xã H (nay là thành phố H), với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 43.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Khoảng tháng 7/2018, tại đường số 2, Khu đô thị mới C&T thuộc Khu phố X, phường P, thị xã H (nay là thành phố H) Lâm Văn T lén lút lấy

trộm chiếc xe máy nhãn hiệu SUNTAN, màu sơn đỏ, biển kiểm 66H8-5231 của ông Lâm Chế L. Qua định giá tại thời điểm tháng 7/2018 có giá 2.500.000 đồng.

- Lần thứ hai: Vào ngày 08/8/2018, tại ấp T, xã M, thị xã H (nay là khu phố T, phường M, thành phố H), Lâm Văn T đã lén lút lấy trộm chiếc xe máy nhãn hiệu MAJESTY, loại xe nữ, màu sơn xanh, biển kiểm soát 68S9-9234 của ông Võ Nguyên N. Qua định giá tại thời điểm ngày 08/8/2018 có giá 2.500.000 đồng.

- Lần thứ ba: Vào đầu tháng 10/2018, tại Quốc lộ 80 thuộc Khu phố X, phường T, thị xã H (nay là thành phố H), Lâm Văn T đã lén lút lấy trộm chiếc xe máy nhãn hiệu SAVI, màu sơn xanh, biển kiểm soát 68T4-7229 (chưa xác định chủ sở hữu), rồi đưa về nhà tại tổ 6, ấp T, xã M, thị xã H (nay là khu phố T, phường M, thành phố H) thay biển số 68H2-6446. Qua định giá tại thời điểm tháng 10/2018 có giá 2.500.000 đồng.

- Lần thứ tư: Vào ngày 10/10/2018, tại Khu đô thị mới C&T thuộc Khu phố X, phường P, thị xã H (nay là thành phố H), Lâm Văn T lén lút lấy trộm chiếc xe máy nhãn hiệu SUZUKI, màu sơn đen, biển kiểm soát 68H2-1093 của bà Trần Thị T, rồi đưa về nhà tại tổ Y, ấp T, xã M, thị xã H (nay là khu phố T, phường M, thành phố H) sơn lại thành màu xanh, sau đó điều khiển sang Campuchia cầm được 4.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Qua định giá tại thời điểm ngày 10/10/2018 có giá 10.000.000 đồng.

- Lần thứ năm: Ngày 12/10/2018, tại tổ Y, Khu phố X, phường P, thị xã H (nay là thành phố H), Lâm Văn T đã lén lút lấy trộm chiếc xe máy nhãn hiệu GUIDA, loại xe nữ, màu sơn xanh, biển kiểm soát 68T5-0132 của bà Thái Phương Hoàng O, đưa sang Campuchia cầm được 2.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Qua định giá tại thời điểm ngày 12/10/2018 có giá 3.000.000 đồng.

- Lần thứ sáu: Ngày 21/10/2018, tại Khu đô thị mới C&T thuộc Khu phố X, phường P, thị xã H (nay là thành phố H), Lâm Văn T lén lút lấy trộm chiếc xe máy nhãn hiệu DAMSEL, loại xe nữ, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 67L3-1987 của ông Nguyễn Đăng Q. Qua định giá tại thời điểm ngày 21/10/2018 có giá 2.500.000 đồng.

- Lần thứ bảy: Vào ngày 21/10/2018, tại Đường số 38, Khu đô thị mới C&T thuộc Khu phố X, phường P, thị xã H (nay là thành phố H), Lâm Văn T lén lút lấy trộm chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại xe nữ, màu sơn xanh, biển kiểm soát 61N9-1911 của ông Lâm Ngọc T, đưa sang Campuchia cầm được 4.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Qua định giá tại thời điểm ngày 21/10/2018 có giá 7.000.000 đồng.

- Lần thứ tám: Vào ngày 23/10/2018, tại nhà trọ Andy thuộc Khu phố X, phường P, thị xã H (nay là thành phố H), Lâm Văn T đã lén lút lấy trộm chiếc xe máy nhãn hiệu AVARICE, loại xe nữ, màu sơn xanh, biển kiểm soát 67M1-2966 của ông Giang Phước T, đưa sang Campuchia cầm được 1.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Qua định giá tại thời điểm ngày 23/10/2018 có giá 2.500.000 đồng.

- Lần thứ chín: Vào ngày 25/10/2018, tại Đường số 38, Khu đô thị mới C&T thuộc Khu phố X, phường P, thị xã H (nay là thành phố H), Lâm Văn T lén lút lấy trộm chiếc xe máy nhãn hiệu ZEKKO, màu sơn trắng, biển kiểm soát 68T6-4418 (chưa xác định được chủ sở hữu). Qua định giá tại thời điểm 25/10/2018 có giá 2.500.000 đồng.

- Lần thứ mười: Vào ngày 26/10/2018, tại đường P thuộc Khu phố X, phường B, thị xã H (nay là thành phố H), Lâm Văn T đã lén lút lấy trộm chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu trắng, biển kiểm soát 68H1-080.76 của chị Nguyễn Thị Tú Q. Qua định giá tại thời điểm 26/10/2018 có giá 8.000.000 đồng.

Vật chứng trong vụ án gồm có:

1) 01 (một) xe máy nhãn hiệu SUNTAN, loại xe nữ, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 66H8-5231; số khung 5H-063992; số máy: 00063992 (đã qua sử dụng);

2) 01 (một) xe máy nhãn hiệu MAJESTY, loại xe: nữ, màu sơn: xanh; biển kiểm soát 68S9-9234; số khung: CH0A4TT*144578*; số máy: 1P52FMH*144578 (xe đã qua sử dụng);

3) 01 (một) xe máy nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu sơn: đỏ đen; biển kiểm soát: 68P1-028.51; số khung 5C63-09Y279405; số máy: 5C63-279453 (xe đã qua sử dụng);

4) 01 (một) xe máy nhãn hiệu SUZUKY, loại xe: nữ; màu sơn: đen; biển kiểm soát 68H2-1093, số khung 45E070100743; số máy: F4A2-100743 (xe đã qua sử dụng);

5) 01 (một) xe máy nhãn hiệu GUIDA, loại xe nữ; màu sơn: xanh; biển kiểm soát 68T5-0132; số khung: 94TT*022358*; số máy: 2FMH*022358* (xe đã qua sử dụng);

6) 01 (một) xe máy nhãn hiệu DAMSEL, loại xe: nữ; màu sơn: đỏ; biển kiểm soát 67L3-1987; số khung 107951; số máy: 107951 (xe đã qua sử dụng);

7) 01 (một) xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại xe: nữ; màu sơn: xanh, biển kiểm soát 61N9-1911; số khung Y049400; số máy 5C61-049400 (xe đã qua sử dụng);

8) 01 (một) xe máy nhãn hiệu AVARICE, loại xe: nữ; màu sơn: xanh, biển kiểm soát 67M1-2966; số khung 002056; số máy 002056 (xe đã qua sử dụng);

9) 01 (một) xe máy nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu sơn: trắng; biển kiểm soát 68H1-080.76; số khung: C6HOGY198646; số máy: 5C6H198664 (xe đã qua sử dụng);

10) 01 (một) xe máy nhãn hiệu ZEKKO, màu sơn: xanh; biển kiểm soát 68T6-4418; số khung WCH2UM5H; số máy: LC152FMH300183 (xe đã qua sử dụng);

11) 01 (một) xe máy nhãn hiệu SAVI, màu sơn: xanh; số khung: RNTWCH!NT51017327; số máy VNT1P52FMH00017327, có gắn biển số 68H2-6446 (xe đã qua sử dụng);

12) 01 (một) ổ khóa xe máy làm bằng kim loại (đã qua sử dụng);

13) 01 (một) biển số 68X1-973.31 và 01 (một) biển số 68S1-397.13;

14) 02 (hai) chai sơn xịt đã qua sử dụng.

Các vật chứng từ mục số 1 đến mục số 9 đã trả lại cho ông Lâm Chế L, ông Võ Nguyên N; bà Trần Kim T; bà Trần Thị T; bà Thái Phụng Hoàng O; ông Nguyễn Đăng Q; ông Lâm Ngọc T; ông Giang Phước T và bà Nguyễn Tú Q là chủ sở và người quản lý hợp pháp theo Quyết định xử lý vật chứng số 49 ngày 10/01/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố H. Vật chứng tại mục số 10 và mục số 11 tiếp tục bảo quản tại kho bảo quản vật chứng - Công an thành phố H tiếp tục bảo quản để truy tìm chủ sở hữu; các vật chứng từ mục số 12 đến mục số 14 hiện đang bảo quản tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lâm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án tù từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 ổ khóa xe máy làm bằng kim loại; 01 biển số 68X1-973.31 và 01 biển số 68S1-397.13; 02 chai sơn xịt đã qua sử dụng. Đối với 01 xe máy nhãn hiệu ZEKKO, màu sơn: xanh; biển kiểm soát 68T6-4418 và 01 xe máy nhãn hiệu SAVI, màu sơn: xanh có gắn biển số 68H2-6446: Đề nghị giao cho Công an thành phố H tiếp tục bảo quản để truy tìm chủ sở hữu và giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ghi nhận Quyết định xử lý vật chứng số 49 ngày 10/01/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố H.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của các bị hại, đối với những bị hại không có yêu cầu bồi thường thì miễn xem xét.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo nộp sung quỹ nhà nước số tiền do phạm tội mà có là 3.500.000 đồng.

- Về án phí: Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Các bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường như sau: Bà Thái Phụng Hoàng O yêu cầu bồi thường số tiền 2.550.000 đồng; bà Trần Thị T yêu cầu bồi thường 4.800.000 đồng; ông Giang Phước T yêu cầu bồi thường 2.000.000 đồng. Những bị hại khác không có yêu cầu gì.

- Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt, đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo đã hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và còn được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và chứng minh tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2018 đến ngày 26/10/2018, Lâm Văn T đã thực hiện 11 lần trộm cắp xe máy trên địa bàn thị xã H (nay là thành phố H) của nhiều bị hại, tổng giá trị tài sản trộm cắp qua định giá là 50.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Trường đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, cụ thể:

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong bảo quản tài sản của người khác để thực hiện hành vi lén lút trộm cắp, mục đích nhằm đem qua Campuchia cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Chỉ trong thời gian 3 đến 4 tháng mà bị cáo đã thực hiện trót lọt 11 vụ trộm cắp xe máy. Thậm chí trong thời gian được tại ngoại để phục vụ điều tra và bị cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo lại tiếp tục trộm cắp xe máy. Bị cáo

không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo trộm cắp xe máy mục đích cầm hoặc bán lấy tiền tiêu xài, làm nguồn sống chính, bị cáo phạm tội mang tính chất chuyên nghiệp, hành vi của bị cáo rất liều lĩnh và rất xem thường pháp luật. Bị cáo phạm tội với hai tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo không những làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, mà còn gây nên tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân.

[3] Xét về nhân thân: Tài liệu về lý lịch thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, tuy bị cáo không có tiền án, nhưng có 01 tiền sự đến nay chưa được xóa cũng về hành vi trộm cắp tài sản.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào. Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tự khai ra những lần trộm cắp khác, bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi vi phạm, tỏ ra biết ăn năn hối cải. Vì vậy, cần xem xét, áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt: Xét thấy cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo sao cho vừa đảm bảo tính giáo dục, vừa răn đe phòng ngừa chung. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo mức án tù 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận và phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội trong một thời gian đủ để cải tạo bị cáo thành công dân tốt, biết tôn trọng pháp luật, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại gồm bà Thái Phượng Hoàng O, bà Trần Thị T, ông Giang Phước T tuy không phải là người đứng tên trên giấy đăng ký những chiếc xe bị mất trộm nhưng các ông, bà khai nhận là người đã mua lại xe, nhận tặng cho xe hoặc được giao quản lý hợp pháp xe. Nay các bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền chuộc xe về, tiền sửa chữa xe, cụ thể: Bà Thái Phượng Hoàng O yêu cầu bồi thường số tiền 2.550.000 đồng; Bà Trần Thị T yêu cầu bồi thường 4.800.000 đồng; ông Giang Phước T yêu cầu bồi thường 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã cầm xe máy của bà O lấy 2.000.000 đồng, cầm xe máy của bà T lấy 4.000.000 đồng, cầm xe máy của ông T lấy 3.500.000 đồng và cầm xe máy của ông Th lấy 1.000.000 đồng đều đã tiêu xài cá nhân hết, nay bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nêu trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Riêng ông Lâm Ngọc T, trong quá trình điều tra có yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền chuộc xe và chi phí sửa chữa xe là 4.700.000 đồng, nhưng tại phiên tòa ông T không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử miễn xét. Các bị hại khác đã nhận lại được tài sản bị mất và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã trộm cắp chiếc xe biển kiểm soát 61N-1911 của ông T đi cầm lấy số tiền 3.500.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Tuy ông T không yêu cầu bị cáo bồi thường, nhưng đây là số tiền do phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo nộp sung quỹ nhà nước theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Cần tịch thu tiêu hủy: 01 ổ khóa xe máy làm bằng kim loại; 01 biển số 68X1-973.31 và 01 biển số 68S1-397.13; 02 chai sơn xít đã qua sử dụng (Các vật chứng này hiện đang bảo quản tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo Quyết định chuyển vật chứng số 02/QĐ-VKSHT ngày 31/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H và Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 31/01/2019 giữa đại diện Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an thành phố H và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H). Đối với 01 xe máy nhãn hiệu ZEKKO, màu sơn: xanh; biển kiểm soát 68T6-4418: Quá trình điều tra xác định được người đứng tên trên giấy đăng ký xe là ông Nguyễn Đình S, tuy nhiên ông S đã chết từ năm 2013. Qua xác minh đối với bà Hoàng Thị S2, là vợ ông S cho biết lúc còn sống, ông S có đứng tên chiếc xe, nhưng sau đó ông S dùng xe đi làm ở H, ông S có bán lại cho ai hay không thì gia đình không hay biết và người nhà cũng chưa ai từng sử dụng hoặc quản lý chiếc xe. Bà S2 cũng không có yêu cầu gì đối với chiếc xe trên. Đối với 01 xe máy nhãn hiệu SAVI, màu sơn: xanh có gắn biển số 68H2-6446: Qua xác minh, người đứng tên đăng ký xe là bà Nguyễn Thị Kim L, xe được cấp biển kiểm soát 68T4-7229. Bà L khai đã bán xe cho người khác (không rõ họ

tên, địa chỉ và không nhớ thời gian bán) và không có yêu cầu gì. Ngày 09/11/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra thông báo số 1220/TB-CQĐT tìm chủ sở hữu đối với 02 chiếc xe trên nhưng đến nay chưa có người đến nhận. Xét thấy cần giao cho cơ quan Công an thành phố H tiếp tục bảo quản và truy tìm chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp 02 chiếc xe nêu trên. Nếu trong thời hạn quy định tại Điều 228 của Bộ luật Dân sự (01 năm) kể từ ngày thông báo công khai mà chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp có yêu cầu thì sẽ xem xét giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự, hết thời hạn nêu trên thì 02 chiếc xe sẽ được tịch thu hóa giá để sung quỹ nhà nước. Ghi nhận Quyết định xử lý vật chứng số 49 ngày 10/01/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố H.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 467.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải bồi thường cho bị hại (9.350.000 đồng x 5%).

[10] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b, c khoản 2 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 47, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;
- Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Các điều 228, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố bị cáo Lâm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lâm Văn T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/10/2018, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 07/9/2018 đến ngày 17/9/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị cáo đồng ý bồi thường cho các bị hại như sau: Bồi thường cho bà Thái Phụng Hoàng O số tiền 2.550.000 (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng); Bồi thường cho bà Trần Thị T số tiền 4.800.000đ (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng); Bồi thường cho ông Giang Phước T số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

3. Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo nộp sung quỹ nhà nước số tiền do phạm tội mà có là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) ổ khóa xe máy làm bằng kim loại; 01 (một) biển số 68X1-973.31 và 01 (một) biển số 68S1-397.13; 02 (hai) chai sơn xịt đã qua sử dụng (Các vật chứng này hiện đang bảo quản tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo Quyết định chuyển vật chứng số 02/QĐ-VKSHT ngày 31/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H và Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 31/01/2019 giữa đại diện Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an thành phố H và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H).

- Giao cho cơ quan Công an thành phố H tiếp tục bảo quản và truy tìm chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp 02 chiếc xe gồm: 01 (một) xe máy nhãn hiệu ZEKKO, màu sơn: xanh; biển kiểm soát 68T6-4418; số khungWCH2UM5H; số máy: LC152FMH300183 (xe đã qua sử dụng) và 01 (một) xe máy nhãn hiệu SAVI, màu sơn: xanh; số khung: RNTWCH!NT51017327; số máy VNT1P52FMH00017327, có gắn biển số 68H2-6446 (xe đã qua sử dụng). Nếu trong thời hạn quy định tại Điều 228 của Bộ luật Dân sự (01 năm) kể từ ngày thông báo công khai mà chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp có yêu cầu thì sẽ xem xét giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự, hết thời hạn nêu trên thì 02 chiếc xe sẽ được tịch thu hóa giá để sung quỹ nhà nước.

- Ghi nhận Quyết định xử lý vật chứng số 49 ngày 10/01/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố H.

5. Về án phí: Buộc bị cáo nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 467.500đ (Bốn trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. H;
- Chi cục THADDs Tp. H;
- Công an Tp. H;
- UBND phường P, HT-KG;
- Bị cáo;
- Những người TGTT;
- Lưu: HsVA.

Tạ Chí Dũng